

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST  
Ngày: 14-01-2025  
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Huy Công

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Ngọc Anh;

Ông Huỳnh Bình.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Đình Vạn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu tham gia phiên tòa:**  
Ông Cao Kỷ Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 446/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 171/2024/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị T, sinh năm 1992;

Nơi cư trú: Tổ A, Khu phố E, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Tấn T1, sinh năm 1991;

Nơi cư trú: Tổ I, Khu phố F, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

(Bà T - có đơn xin xét xử vắng mặt, ông T1 - vắng mặt không có lý do)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Tại đơn ly hôn và bản tự khai nguyên đơn là bà Trần Thị T trình bày:*

Về hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Trần Tấn T1 tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 83 ngày 21/5/2019 theo quy định. Vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, không còn tiếng nói chung, không còn tôn trọng lẫn nhau và không còn tình cảm với nhau. Hai bên đã cố gắng hòa giải nhưng không có kết quả, hiện nay đã sống ly thân. Chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không đạt, đời sống chung

không thể kéo dài nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Tấn T1.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Ngọc Tường L, sinh ngày 18/7/2020, hiện nay đang ở với chị T. Ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, tạm thời không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh Trần Tấn T1:*

Đã được Tòa án triệu tập để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày tại Tòa án.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai phát biểu:*

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng, bị đơn không chấp hành quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về quan hệ hôn nhân: Cho chị T được ly hôn với anh T1; Về con chung: Giao con chung là Trần Ngọc Tường L, sinh ngày 18/7/2020 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời, anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết; Về án phí: chị T phải chịu theo quy định pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo kết quả xác minh ngày 20/11/2024 do Công an thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai cung cấp thì anh Trần Tấn T1 đang sinh sống tại: Tổ I, khu phố F, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định.

[1.2]. Về việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Tòa án đã triệu tập các đương sự để tham gia phiên tòa nhưng chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T1 vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Trần Tấn T1 kết hôn vào năm 2019, có đăng ký kết hôn, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và đã được Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 83/2019 ngày 21/5/2019. Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014, hôn nhân giữa chị T, anh T1 là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị T quá trình vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, không còn tiếng nói chung, không còn tôn trọng lẫn nhau và không còn tình cảm với nhau, chị T đã nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn một lần. Hai bên đã cố gắng hòa giải nhưng không có kết quả, hiện nay đã sống ly thân. Theo kết quả xác minh ngày 20/11/2024 thì vợ chồng chị T, anh T1 chung sống có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn, địa phương không rõ. Quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập làm việc, tiến hành hòa giải theo quy định nhưng ông T1 vắng mặt và không có lời trình bày, chị T đề nghị không tiến hành hòa giải. Do đó, có cơ sở chứng minh chị T đã cương quyết ly hôn, anh T1 bỏ mặc, không muốn níu kéo tình cảm, hàn gắn gia đình.

Từ những nhận định trên, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T1 là có thật. Hôn nhân giữa chị T, anh T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử cho chị T được ly hôn anh T1.

[2.2]. Về con chung: Chị T xác định chị và anh T1 có 01 con chung là Trần Ngọc Tường L, sinh ngày 18/7/2020. Ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, tạm thời không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hiện nay cháu Trần Ngọc Tường L được chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, khỏe mạnh, phát triển bình thường, chị T có việc làm và có thu nhập đảm bảo cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L. Quá trình giải quyết, anh T1 đã được triệu tập làm việc nhưng vắng mặt và không có lời trình bày.

Do đó, để đảm bảo sự ổn định và phát triển tốt nhất của con chung, Hội đồng xét xử giao cháu Trần Ngọc Tường L cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Tạm thời, anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh T1 vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có lời khai nên không đủ cơ sở xác định đối với tài sản chung, nợ chung. Do đó, không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án này và tách ra giải quyết bằng vụ việc khác khi đương sự có yêu cầu.

[3]. Về án phí: Chị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[4]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vi các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 8, Điều 9, Điều 51, 54, 56, 57, 58, 69, 81, 82, 83, 84 và Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị T được ly hôn với anh Trần Tấn T1.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Ngọc Tường L, sinh ngày 18/7/2020 cho chị Trần Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời, anh Trần Tấn T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án này. Tách ra giải quyết bằng một vụ việc khác khi đương sự có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Trần Thị T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0009948 ngày 30/9/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Đương sự đã nộp xong án phí.

5. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện V;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Nơi cấp Giấy chứng nhận kết hôn;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Huy Công**